

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 08/9/2021

*"V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà: Ông Nguyễn Đăng K.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị T

2. Ông Lương Văn K

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị P – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Đức Đ - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST - HNGĐ ngày 31/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Đình T**, sinh năm 1998; HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên “*có đơn xin vắng mặt*”.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 2000; HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu **Bùi Ngọc H**, sinh ngày 11/3/2017; HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”.

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Anh **Bùi Đình T** và chị **Nguyễn Thị S** là bố mẹ đẻ của cháu H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu H: Ông **Phạm Đức L** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên (*có mặt*).

4. Những người tham gia tố tụng khác:

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964 (là mẹ đẻ anh T) “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977 (là mẹ đẻ chị S). “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn anh Bùi Đình T trình bày về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị S, sinh năm 2000, Sinh quán: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên có quen nhau do cùng làm tại công ty may, anh chị có thời gian tìm hiểu và tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Sau lễ cưới chị S chưa chuyển khẩu nhưng vẫn về ở và làm ăn sinh sống cùng gia đình anh T. Đến tháng 3/2017 thì chị S sinh con. Thời gian đó anh chị sống rất hạnh phúc. Đến tháng 12/2018 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ngày 14/12/2018 và đăng ký khai sinh cho con chung lúc đó chị S mới chuyển khẩu vào gia đình anh T. Hôn nhân của anh T, chị S là tự nguyện không bị ai ép buộc. Anh chị chung sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do sau khi đăng ký kết hôn một thời gian ngắn anh T phát hiện chị S có nhiều tin nhắn kèm theo những hình ảnh chụp tình cảm giữa chị S với người đàn ông khác và nhiều thông tin anh T nghe được từ bạn bè làm cùng công ty với chị S nói với anh. Anh T cũng khuyên chị S mong muốn vợ chồng hạnh phúc để chăm sóc con chung nhưng chị S không nghe, không chịu thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không chia sẻ được với nhau, chị S còn công khai mối quan hệ bất chính khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 02/2021 chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên làm ăn sinh sống. Khi mâu thuẫn xảy ra anh, chị cũng được gia đình hai bên khuyên bảo mong anh, chị chung sống hòa thuận để nuôi dạy con cái nhưng chị S không thay đổi mà vẫn chứng nào tật ấy dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho tới nay, không ai quan tâm tới ai và kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị S không còn, nếu có níu kéo cũng chỉ làm tổn thương cho nhau, hạnh phúc không đạt được. Anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn với chị S để anh sớm ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Anh T xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 11/3/2017. Hiện nay cháu H đang ở với anh T. Nay vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con. Chị S được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Sau khi cưới anh chị vẫn ở chung với bố mẹ nên không có tài sản gì. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công sức, công nợ, ruộng cấy:** Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập chị Nguyễn Thị S đến Toà án để tiến hành lấy lời khai nhưng chị S đều vắng mặt không có lý do. Đến ngày 29 tháng 7 năm 2021 trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với chị S. Chị S trình bày thống nhất với anh T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung và thời gian phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do sau khi đăng ký kết hôn một thời gian ngắn anh T chuyển lên Phố N làm, anh chị không ở gần nhau, anh T không tin tưởng chị nên anh thường xuyên nghi ngờ chị có người đàn ông khác, anh T luôn kiểm tra điện thoại của chị và cho rằng chị nhắn tin cho bồ. Anh T không nghe chị S giải thích mà đi nghe xúi bẩy, công kích của bạn bè làm cùng công ty với chị. Anh T áp đặt việc chị ngoại tình là có thật và bắt chị S phải xin lỗi khi mà chị không có lỗi, việc anh T nghi ngờ chị quan hệ bất chính đã xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị, do bản thân bị chồng nghi oan nên chị S âm ức, không chịu đựng được dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không chia sẻ được với nhau, anh T xúc phạm chị S nhiều hơn, thường xuyên hơn khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 02/2021 chị S đã về nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên làm ăn sinh sống. Hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo mong vợ chồng hòa thuận để nuôi dạy con cái nhưng do anh T vẫn bóng gió nghi ngờ chị S dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị S xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T không còn, hôn nhân không có hạnh phúc. Chị S đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Chị và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 11/3/2017. Hiện nay cháu H đang ở anh T. Nay vợ chồng ly hôn chị nhường quyền cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Chị đồng ý với việc anh T không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con với anh T. Chị được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng cấy:** Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Toà án đã hai lần gửi thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị S đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án không tiến hành giải quyết các vấn đề trên cũng như hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh T) và bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ chị S) đều xác định hôn nhân giữa anh T và chị S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau trong các mối quan hệ bạn bè, anh T cho rằng chị S có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Chị S thì cho rằng do anh T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên

xảy ra tranh cãi, anh T nóng giận nên đã xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị S, dẫn tới anh chị không ai nói chuyện với ai mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không bảo ban, chia sẻ được với nhau nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho tới nay. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo anh chị nhưng không được. Đến nay, trước yêu cầu khởi kiện của anh T thì quan điểm của bà T cũng như của bà M đều tôn trọng ý kiến của anh T và chị S.

Xác minh tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 2000; con ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị M; Sinh quán: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Hiện chị S không đăng ký tạm trú nhưng vẫn đang làm ăn sinh sống tại địa phương.

Xác minh tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh T, chị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 14/12/2018 theo quy định của pháp luật; Về tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị S: UBND xã được biết quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị S có nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong các mối quan hệ xã hội khác. Chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02/2021, hiện anh chị đã sống ly thân. Nay anh Bùi Đình T có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị S, quan điểm của UBND xã T, huyện T là đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Có mặt ông Phạm Đức L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. Anh Bùi Đình T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị S, anh có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu H và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Chị S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của các đương sự và các tài liệu khác. Chủ tọa công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, các thủ tục tại phiên tòa đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị S đều xác định không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân. Do đó, đề nghị

HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bùi Đình T. Xử cho anh Bùi Đình T được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Do cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 11/3/2017 hiện đang sống cùng với anh T đồng thời anh T, chị S đều có quan điểm giao cháu H cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cháu Bùi Ngọc H cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thanh niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu S phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T nhưng chị S được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Bùi Ngọc H, ông Phạm Đức L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh T, chị S đều xác định không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân. Về con chung do cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 11/3/2017 hiện đang sống cùng ở anh T đồng thời anh T, chị S đều có quan điểm giao cháu H cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cháu Bùi Ngọc H cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thanh niên. Các vấn đề khác đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. *Về tố tụng:* Anh Bùi Đình T khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị S có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Qua xác minh chị S không đăng ký tạm trú tại xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh T có đơn xin vắng mặt tại các phiên xét xử. Chị S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 31/8/2021 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST - HNGĐ ngày 31/8/2021 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 08/9/2021. Chị S đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 14/12/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2018. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng vào tình cảm của nhau, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ xã hội. Anh T luôn cho rằng chị S có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Chị S lại xác định không có việc quan hệ ngoại tình mà đó chỉ là sự ghen tuông vô cớ của anh T. Anh T thường xuyên nghi ngờ, có lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm đối với chị S, vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống. Mâu thuẫn của anh chị trầm trọng vào tháng 02 năm 2021. Do không chịu đựng được nên chị S đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cuộc sống của ai người đó lo và không ai còn quan tâm tới ai. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn cũng đã được gia đình khuyên bảo nhưng không được và đến nay anh T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với chị S.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập chị S lên Tòa án huyện T để cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng chị S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của chị S tại địa phương. Chị S cũng đã xác định không còn tình cảm với anh T, hôn nhân không có hạnh phúc, chị S đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị S cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 11/3/2017. Hiện nay, cháu H đang ở với anh T. Anh T chị S đều có chung quan điểm là giao cháu H cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 11/3/2017 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của T không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, chị S được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Bùi Đình T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND huyện T, trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản

4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho anh **Bùi Đình T** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị S.**

- **Về con chung:** Giao cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 11/3/2017 cho anh Bùi Đình T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, thời gian tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh nhưng chị S được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Bùi Đình T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000740 ngày 07/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đăng K

